

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
“V/v công nhận quan hệ hôn nhân”**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG – TỈNH HƯNG YÊN**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh - Thẩm phán.
- Thư ký phiên họp: ông Trần Ngọc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Động.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên họp : bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự, thụ lý số 85/TLST-VDS ngày 20/10/2021 về yêu cầu tuyên bố hủy hôn nhân trái pháp luật và công nhận hôn nhân, theo Quyết định mở phiên họp số 01/2021/QĐST-VDS ngày 05/11/2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

- 1- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967;
- 2- Bà Vũ Thị S, sinh năm 1973;

Đều cư trú tại: thôn T, xã P, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ**

Tại đơn yêu cầu Hủy hôn nhân trái pháp luật và yêu cầu công nhận hôn nhân; các lời khai tại Tòa án của người yêu cầu là ông Nguyễn Văn Q và bà Vũ Thị S trình bày:

Ông Nguyễn Văn Q, sinh ngày 02/10/1967 và bà Vũ Thị S, sinh ngày 28/12/1973 là hai người cùng xã, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (dưới đây viết tắt là: UBND) xã Phú Thịnh ngày 26/11/1990. Do tại thời điểm đăng ký kết hôn bà S chưa đủ 17 tuổi nên ông, bà đã trình bày tại UBND xã tên chồng là Nguyễn Đức H, sinh năm 1967 và vợ là Vũ Thị S, sinh năm 1971. Giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng ông, bà hiện nay đã mất nên ông, bà đã được UBND xã Phú Thịnh cấp Trích lục kết hôn và đã giao nộp cho Tòa án. Kể từ khi được UBND xã Phú Thịnh đăng ký kết hôn, hai ông bà chung sống với nhau hạnh phúc, đến nay có ba con chung là Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh ngày 01/9/1992; Nguyễn Thị Ngọc A2, sinh ngày 05/7/2005; Nguyễn Thị Ngọc A3, sinh ngày 12/8/2012. UBND

huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, đã ra Trích lục cải chính hộ tịch số 286/TLCCHT ngày 14/9/2021, xác nhận: họ, chữ đệm, tên: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 02/10/1967, được cải chính phần khai về chữ đệm, tên của người chồng và năm sinh của người vợ trong Sổ đăng ký kết hôn số 23 ngày 26/11/1990, nơi đăng ký: UBND xã Phú Thịnh, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng, nội dung: Cải chính phần khai về chữ đệm, tên của người chồng, từ Nguyễn Đức H thành Nguyễn Văn Q; Cải chính phần khai về năm sinh của người vợ, từ sinh năm 1971 thành sinh năm 1973.

Ông, bà nhận thấy việc kết hôn như vậy là trái quy định của pháp luật về điều kiện độ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, tính đến ngày 28/12/1992, bà S đã đủ 18 tuổi, ông bà đều tự nguyện kết hôn với nhau và không ai mất năng lực hành vi dân sự, đến nay ông, bà chung sống hạnh phúc, một vợ, một chồng và đã có con chung, tài sản chung. Ông, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kim Động hủy việc kết hôn trái pháp luật, được thể hiện trong Sổ đăng ký kết hôn số 23 ngày 26/11/1990, giữa ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1967 và Vũ Thị S, sinh năm 1971, trú tại: xã Phú Thịnh, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng, do UBND xã Phú Thịnh, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng thực hiện và ông, bà yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của ông, bà theo quy định của pháp luật.

UBND xã Phú Thịnh cung cấp: Tại quyển Sổ đăng ký kết hôn do UBND xã Phú Thịnh quản lý thể hiện tại: Số 23 ngày 26/11/1990 có nội dung Họ, chữ đệm, tên vợ ghi: Vũ Thị S, sinh năm 1971 và Họ, chữ đệm, tên chồng ghi: Nguyễn Đức H, sinh năm 1967. Căn cứ vào thực tế thì ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967 và bà Vũ Thị S, sinh năm 1973 chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay và có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, do vậy các nội dung được thể hiện trong Sổ đăng ký kết hôn trên là không đúng với thực tế. Ông Q và bà S đã làm thủ tục cải chính theo quy định của pháp luật và đã được UBND huyện Kim Động cải chính hộ tịch tại Trích lục cải chính hộ tịch số 286/TLCCHT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Ông Q và bà S có đơn đề nghị Hủy hôn nhân trái pháp luật và yêu cầu Công nhận hôn nhân, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và nguyện vọng của ông Q, bà S.

#### **Tại phiên họp:**

- Ông Nguyễn Văn Q và bà Vũ Thị S vắng mặt. Ông Q, bà S đã có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên họp và vẫn giữ nguyên yêu cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát: trong quá trình tiến hành tố tụng như thụ lý việc dân sự, tiến hành thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng, thủ tục tiến hành phiên họp Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật, đương sự chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật.

Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn Q và bà Vũ Thị S.

Công nhận hôn nhân của ông Nguyễn Văn Quân và bà Vũ Thị S kể từ ngày ông Quân, bà S đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Kim Động nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Văn Q và bà Vũ Thị S kết hôn ngày 26/11/1990 do UBND xã Phú Thịnh, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên) thực hiện, do thời điểm đó bà Vũ Thị S chưa đủ tuổi kết hôn, do đó ông Q và bà S đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật và đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của ông Q và bà S kể từ ngày bà S đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người yêu cầu ông Nguyễn Văn Q và bà Vũ Thị S có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông Q và bà S.

[2] Về nội dung: căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do ông Q, bà S xuất trình và qua xác minh tại UBND xã Phú Thịnh thì: Trong Sổ đăng ký kết hôn hiện đang lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh thể hiện tại số 23/1990 ngày 26/11/1990, ghi họ, chữ đệm tên vợ là Vũ Thị S, sinh năm 1971 và họ, chữ đệm tên chồng là Nguyễn Đức H, sinh năm 1967. Tại sổ hộ khẩu; căn cước công dân của ông Q và bà S thể hiện: ông Nguyễn Văn Q, sinh ngày 02/10/1967 và bà Vũ Thị S, sinh ngày 28/12/1973 và Trích lục cải chính hộ tịch số 286/TLCCHT ngày 14/9/2021 của UBND huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, đã cải chính hộ tịch về phần khai chữ đệm, tên của người chồng và năm sinh của người vợ trong Sổ đăng ký kết hôn số 23 ngày 26/11/1990, nơi đăng ký UBND xã Phú Thịnh, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng, cải chính phần khai về chữ đệm, tên của người chồng từ Nguyễn Đức H thành Nguyễn Văn Q; cải chính phần khai về năm sinh của người vợ, từ sinh năm 1971 thành sinh năm 1973. Như vậy, có căn cứ xác định, ngày 26/11/1990 ông Nguyễn Văn Q và bà Vũ Thị S đến UBND xã Phú Thịnh đăng ký kết hôn nhưng do bà S chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình nên ông Q và bà S đã khai họ, chữ đệm tên vợ là Vũ Thị S, sinh năm 1971 và họ, chữ đệm tên chồng là Nguyễn Đức H, sinh năm 1967. Sau khi ông Q và bà S đăng ký kết hôn đã về chung sống với nhau hạnh phúc, có ba con chung là Nguyễn

Thị Ngọc A1, sinh ngày 01/9/1992; Nguyễn Thị Ngọc A2, sinh ngày 05/7/2005, Nguyễn Ngọc A3, sinh ngày 12/8/2012. Hiện nay ông Q và bà S vẫn chung sống hạnh phúc.

Xét thấy, UBND xã Phú Thịnh đăng ký kết hôn cho ông Q và bà S là đúng thẩm quyền. Mặc dù, khi đăng ký kết hôn, ông Q khai không đúng chữ đệm và tên của ông, bà S khai không đúng năm sinh của bà; tại thời điểm ông Q và bà S kết hôn, bà S chưa đủ 17 tuổi là vi phạm Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 về điều kiện tuổi kết hôn. Tuy nhiên, ông Q và bà S đã được UBND huyện Kim Động ra Trích lục cải chính về hộ tịch về chữ đệm, tên của ông Q và tuổi của bà S theo đúng quy định của pháp luật nên có thể xác định họ, chữ đệm, tên, tuổi người chồng ghi Nguyễn Đức H, sinh năm 1967, trong Sổ đăng ký kết hôn thể hiện tại số 23/1990 ngày 26/11/1990 tại UBND xã Phú Thịnh có họ, chữ đệm, tên, tuổi đúng là Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967; tên người vợ ghi Vũ Thị S, sinh năm 1971, trong Sổ đăng ký kết hôn thể hiện tại số 23/1990 ngày 26/11/1990 tại UBND xã Phú Thịnh có họ tên, tuổi đúng là Vũ Thị S, sinh năm 1973. Đến ngày 28/12/1992 bà S đủ 18 tuổi và đã đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, đến nay ông Q và bà S đang chung sống hạnh phúc và cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của ông, bà nên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1967 và Vũ Thị S, sinh năm 1971, trú tại: xã Phú Thịnh, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng, được thể hiện trong Sổ đăng ký kết hôn số 23 ngày 26/11/1990, do UBND xã Phú Thịnh, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng thực hiện là không cần thiết. Do vậy, công nhận hôn nhân của ông Nguyễn Văn Q và bà Vũ Thị S là hôn nhân hợp pháp kể từ ngày 28/12/1992 theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự: ông Nguyễn Văn Q và bà Vũ Thị S thỏa thuận để bà S chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự thỏa thuận của ông Q, bà S về nghĩa vụ chịu lệ phí. Buộc bà S chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 8; khoản 1 và 2 Điều 11; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Q và bà Vũ Thị S:

Công nhận hôn nhân của ông Nguyễn Văn Q và bà Vũ Thị S là hôn nhân hợp pháp kể từ ngày 28/12/1992.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Vũ Thị S phải nộp 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà S đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002522 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Bà S đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Người yêu cầu có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Động;
- VKSND tỉnh;
- Phòng KTNV và THA;
- Chi cục THA huyện Kim Động;
- UBND xã Phú Thịnh;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Ngọc Oanh